

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã thụ lý số: 26/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh A, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số A ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn Ông Võ Trung H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số A H, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 25 tháng 02 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh A và ông Võ Trung H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh A và ông Võ Trung Hiếu thuận T ly hôn.

2.2. Về con chung:

Giao con chung là Võ Thiên Ân, sinh ngày 11/10/2019 và Võ Như Thiên Ý, sinh ngày 08/4/2022 cho bà Nguyễn Thị Minh A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Trung H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng: Tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (tháng 3/2025) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng một lần.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh A và ông Võ Trung H thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Minh A tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0007863 ngày 04/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Mỹ Thạnh An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

đã ký

Võ Thị Cẩm Trang